

BẢNG SO SÁNH

Đối tượng, phạm vi, đối tượng, nội dung, mức chi đối với dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ NLĐ của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Công văn số /SNV-LĐVL ngày /10/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai)

TT	Chính sách giai đoạn 2024-2026		Đề xuất chính sách giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Lào Cai mới	Căn cứ đề xuất
	Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai		
	Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Yên Bái quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Không ban hành	Nghị quyết của HĐND tỉnh Lào Cai quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Căn cứ vào tình hình thực tế, nhằm hỗ trợ người lao động giảm bớt khó khăn khi tham gia thị trường lao động ngoài nước
1	Phạm vi áp dụng			
	Trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Không áp dụng	Trên địa bàn tỉnh Lào Cai (bao gồm tỉnh Lào Cai cũ và Yên Bái cũ)	Đảm bảo đối tượng toàn tỉnh tham gia thị trường lao động ngoài nước được hỗ trợ
2	Đối tượng			
	1. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ đủ 12 tháng trở lên đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:		- Người lao động thường trú dài hạn (từ đủ 12 tháng trở lên) tại tỉnh Lào Cai có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài (trừ những trường đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương), bao gồm:	Luật Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Luật NVNLVNN)

	a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) ký với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện pháp lý.		+ Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của Luật Người Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp E9đồng gồm: Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký với đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; Người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh thẩm định đủ điều kiện pháp lý hoạt động	Luật Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
	b) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài ngắn hạn (dưới 01 năm) theo Nghị quyết của Chính phủ về đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.		+ Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.	Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 27/4/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện thí điểm đưa người lao động Việt Nam đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước (Nghị quyết 59)
	2. Học sinh, sinh viên thường trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ đủ 12 tháng trở lên thuộc diện trao đổi theo các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài		Không điều chỉnh	Không phải đối tượng điều chỉnh của Luật NVNLVNN và Nghị quyết 59; thực tế triển khai thời gian qua không hiệu quả
	3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Yên Bái trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.		- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.	Theo Luật NVNLVNN và phù hợp với chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy

3	Nội dung, mức chi			
	Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) ký với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện pháp lý.			
	a) Đào tạo nghề: Theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nghề nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học.		a) Đào tạo nghề: Theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nghề nhưng tối đa không quá 2.500.000 đồng/người/khóa học.	Đảm bảo thứ tự ưu tiên của các nhóm đối tượng, mức này bằng mức thấp nhất của chính sách trung ương; đồng thời không phải cấp bù chênh lệch như Nghị quyết 45
	b) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức học phí thực tế của từng khóa học và thời gian học nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học		b) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức học phí thực tế của từng khóa học và thời gian học nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/khóa học	
	c) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 40.000 đồng/người/ngày thực học; tối đa 3.120.000 đồng/người/khóa học		Giữ nguyên	
	d) Tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng; tối đa 1.200.000 đồng/người.		Giữ nguyên	
	đ) Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép và đồ dùng cá nhân liên quan): 600.000 đồng/người.		Giữ nguyên	
	e) Tiền đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi thường trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên: 300.000 đồng/người.		Giữ nguyên	
	g) Chi phí làm thủ tục cấp hộ chiếu/giấy thông hành/giấy phép xuất cảnh: Tối đa không quá 200.000 đồng/người.		Giữ nguyên	

h) Chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp (chi cho đối tượng không được miễn phí theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp): Tối đa không quá 200.000 đồng/người.		Giữ nguyên	
i) Chi phí làm thủ tục xin cấp thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; tối đa không quá 4.000.000 đồng/người.		i) Chi phí làm thủ tục xin cấp thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; tối đa không quá 2.000.000 đồng/người.	Lệ phí visa tùy theo từng nước. Dự thảo lấy mức trung bình của Thông tư 25/2021/TT-BTC. Thực tế đã thanh toán cao nhất là 1.700.000 đ/người.
k) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tối đa không quá 750.000 đồng/người.		Giữ nguyên	
Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài ngắn hạn (dưới 01 năm) theo Nghị quyết của Chính phủ về đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm b, điểm g, điểm h, điểm i và điểm k mục 3		Giữ nguyên	

	Hỗ trợ bổ sung chi phí đào tạo nghề và đào tạo ngoại ngữ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định.		Không điều chỉnh	Do đã áp dụng mức thấp nhất so với chính sách trung ương nên không phát sinh chi phí này. Thực tế thực hiện chính sách theo Nghị quyết 45 cũng chưa có đối tượng nào đề nghị và được hưởng chính sách hỗ trợ bổ sung phân chênh lệch như vậy.
4	Phương thức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ cho lao động theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ. Nếu không đủ điều kiện thì thanh toán trực tiếp theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ		Không quy định cụ thể trong dự thảo Nghị quyết mà giao trách nhiệm cho UBND tỉnh quy định	Để cho việc áp dụng được linh hoạt, phù hợp với sự thay đổi trong cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp sau khi sắp xếp lại bộ máy, tổ chức
5	Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài		Giữ nguyên (Theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội)	

6	Không có quy định về chính sách hỗ trợ quản lý lao động tại nước ngoài	Bổ sung Điều 5. Chính sách hỗ trợ đặc thù đối với chương trình đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương hai nước để quản lý, giám sát người lao động tỉnh Lào Cai: -Số lượng người được thuê, khoán: Dựa trên số lao động tỉnh Lào Cai quản lý đang làm việc trên một địa bàn địa phương của Hàn Quốc (cấp quận/huyện/thành phố): Có từ 100 người lao động thời vụ trở xuống được thuê khoán 01 người quản lý -Mức thuê khoán trọn gói: 25.000.000 đồng/người/tháng. -Nếu số lượng người lao động thời vụ ít hơn 50 người trên một địa bàn địa phương (cấp quận/huyện/thành phố), thì mức thuê khoán được chi trả cho người quản lý là 15.000.000 triệu đồng/người/tháng.	Giúp đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động, không bỏ trốn ra ngoài làm việc, không ở lại Hàn Quốc cư trú bất hợp pháp sau khi hết hạn hợp đồng. Để việc hợp tác lao động thời vụ của tỉnh Lào Cai với địa phương Hàn Quốc không bị vi phạm, phải dừng lại.
---	--	--	---

2. .

3.